



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Nguyên lý kế toán - MH1104036

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110403601

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Tuyền - (04057)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010100034	Phạm Thị Hồng	Duyên	21/05/2002	8,0	Tám	C22QT1	
2	2010100010	Từ Thị Mỹ	Duyên	01/01/2002	8,0	Tám	C22QT1	
3	2010100016	Nguyễn Thị Hồng	Đào	05/07/2002	7,5	Bảy rưỡi	C22QT1	
4	2010100004	Lương Diễm	Hằng	28/07/2001	7,0	Bảy	C22QT1	
5	2010100021	Trần Thị Bảo	Hân	26/04/2002	7,5	Bảy rưỡi	C22QT1	
6	2010100006	Nguyễn Văn	Hoàn	08/03/2001	6,5	Sáu rưỡi	C22QT1	
7	2010130043	Nguyễn Thị Nhật	Lan	23/10/2002			C22QT1	ngủ luôn
8	2010100033	Lê Hoàng	Long	09/10/2002	8,0	Tám	C22QT1	
9	2010100026	Nguyễn Thị Xuân	Mai	27/06/2002	8,5	Tám rưỡi	C22QT1	
10	2010100031	Nguyễn Trúc	Mai	12/12/2002	7,0	Bảy	C22QT1	
11	2010100013	Võ Hoàng	Nam	15/10/2002	6,5	Sáu rưỡi	C22QT1	
12	2010100027	Nguyễn Thị Kim	Ngân	29/06/2002	6,5	Sáu rưỡi	C22QT1	
13	2010010043	Lê Huỳnh	Như	28/08/2002	7,0	Bảy	C22QT1	
14	2010100029	Võ Trúc	Như	13/04/2001	7,5	Bảy rưỡi	C22QT1	
15	2010100032	Nguyễn Thị Hồng	Phúc	07/07/2001	7,0	Bảy	C22QT1	
16	2010100009	Tạ Ngọc Như	Quỳnh	22/09/1999	6,5	Sáu rưỡi	C22QT1	
17	2010100024	Đỗ Thị Thu	Thảo	04/10/2002	7,5	Bảy rưỡi	C22QT1	
18	2010100015	Nguyễn Thị Anh	Thi	30/05/2002	7,0	Bảy	C22QT1	
19	2010100011	Nguyễn Anh	Thư	12/05/2002	7,5	Bảy rưỡi	C22QT1	
20	2010100001	Nguyễn Thị Minh	Thư	06/03/2001	7,0	Bảy	C22QT1	
21	2010100025	Trần Thị Minh	Thư	15/10/2002	8,0	Tám	C22QT1	
22	2010100017	Nguyễn Thị Bích	Trâm	05/07/2002	9,0	Chín	C22QT1	
23	2010100035	Võ Thị Ngọc	Trâm	17/12/2002	8,0	Tám	C22QT1	
24	2010100012	Đào Thị Diễm	Trinh	18/12/2002	5,5	Năm rưỡi	C22QT1	
25	2010100014	Phạm Thị Phương	Trinh	06/07/2002	8,0	Tám	C22QT1	
26	2010100022	Võ Thị Cẩm	Vân	14/02/2002	7,0	Bảy	C22QT1	
27	2010100023	Huỳnh Bảo	Yến	11/11/2002	6,5	Sáu rưỡi	C22QT1	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 26 vắng thi: 01 . Số bài thi: 26 / 26

Số sinh viên đạt/không đạt: 26 / 0

Tỷ lệ đạt: 100 , %

Ngày...15...tháng...4...năm...2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

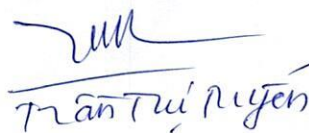


ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày...18...tháng...3...năm...2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



TRƯỞ

KHẢ



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Nguyên lý kế toán - MH1104036

Mã lớp học phần: MH110403601

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Tuyền - (04057)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010100034	Phạm Thị Hồng Duyên	21/05/2002	<i>Duyên</i>	7,5	Bảy rưỡi	C22QT1	
2	2010100010	Từ Thị Mỹ Duyên	01/01/2002	<i>Duyên</i>	8,0	Tám	C22QT1	
3	2010100016	Nguyễn Thị Hồng Đào	05/07/2002	<i>Đào</i>	7,5	Bảy rưỡi	C22QT1	
4	2010100004	Lương Diễm Hằng	28/07/2001	<i>Hằng</i>	7,0	Bảy	C22QT1	
5	2010100021	Trần Thị Bảo Hân	26/04/2002	<i>Hân</i>	7,5	Bảy rưỡi	C22QT1	
6	2010100006	Nguyễn Văn Hoàn	08/03/2001	<i>Hoàn</i>	7,0	Bảy	C22QT1	
7	2010130043	Nguyễn Thị Nhật Lan	23/10/2002				C22QT1	nghe/luôn
8	2010100033	Lê Hoàng Long	09/10/2002	<i>Long</i>	7,5	Bảy rưỡi	C22QT1	
9	2010100026	Nguyễn Thị Xuân Mai	27/06/2002	<i>Mai</i>	8,5	Tám rưỡi	C22QT1	
10	2010100031	Nguyễn Trúc Mai	12/12/2002	<i>Mai</i>	7,0	Bảy	C22QT1	
11	2010100013	Võ Hoàng Nam	15/10/2002	<i>Nam</i>	7,0	Bảy	C22QT1	
12	2010100027	Nguyễn Thị Kim Ngân	29/06/2002	<i>Ngân</i>	6,5	Sáu rưỡi	C22QT1	
13	2010010043	Lê Huỳnh Như	28/08/2002	<i>Như</i>	6,5	Sáu rưỡi	C22QT1	
14	2010100029	Võ Trúc Như	13/04/2001	<i>Như</i>	7,5	Bảy rưỡi	C22QT1	
15	2010100032	Nguyễn Thị Hồng Phúc	07/07/2001	<i>Phúc</i>	6,5	Sáu rưỡi	C22QT1	
16	2010100009	Tạ Ngọc Như Quỳnh	22/09/1999	<i>Quỳnh</i>	7,0	Bảy	C22QT1	
17	2010100024	Đỗ Thị Thu Thảo	04/10/2002	<i>Thảo</i>	7,5	Bảy rưỡi	C22QT1	
18	2010100015	Nguyễn Thị Anh Thi	30/05/2002	<i>Thi</i>	7,0	Bảy	C22QT1	
19	2010100011	Nguyễn Anh Thư	12/05/2002	<i>Thư</i>	7,5	Bảy rưỡi	C22QT1	
20	2010100001	Nguyễn Thị Minh Thư	06/03/2001	<i>Thư</i>	6,5	Sáu rưỡi	C22QT1	
21	2010100025	Trần Thị Minh Thư	15/10/2002	<i>Thư</i>	8,0	Tám	C22QT1	
22	2010100017	Nguyễn Thị Bích Trâm	05/07/2002	<i>Trâm</i>	8,5	Tám rưỡi	C22QT1	
23	2010100035	Võ Thị Ngọc Trâm	17/12/2002	<i>Trâm</i>	8,0	Tám	C22QT1	
24	2010100012	Đào Thị Diễm Trinh	18/12/2002	<i>Trinh</i>	5,0	Năm	C22QT1	
25	2010100014	Phạm Thị Phương Trinh	06/07/2002	<i>Trinh</i>	8,0	Tám	C22QT1	
26	2010100022	Võ Thị Cẩm Vân	14/02/2002	<i>Vân</i>	7,5	Bảy rưỡi	C22QT1	
27	2010100023	Huỳnh Bảo Yến	11/11/2002	<i>Yến</i>	6,5	Sáu rưỡi	C22QT1	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 26 vắng thi: 01 . Số bài thi: 26 / 26 .

Số sinh viên đạt/không đạt: 26 / 0

Tỷ lệ đạt: 100 , 100 %

Ngày 12 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

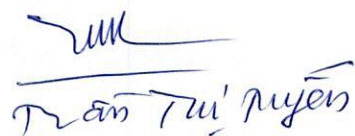


ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày 25 tháng 3 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)





BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Nguyên lý kế toán - MH1104036

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110403601

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Tuyền - (04057)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010100057	Huỳnh Thị Khánh Bằng	19/11/2002	<i>[Signature]</i>	7,5	Bằng rớt	C22QT2	
2	2010100048	Nguyễn Thị Thanh Bình	01/01/2002	<i>[Signature]</i>	6,0	Sáu	C22QT2	
3	2010100045	Nguyễn Thị Kim Chi	03/08/2002	<i>[Signature]</i>	5,5	Năm rớt	C22QT2	
4	2010100044	Nguyễn Minh Trường Duy	18/05/2002	<i>[Signature]</i>	9,0	Chín	C22QT2	
5	2010100038	Nguyễn Thị Thùy Dương	22/11/2002	<i>[Signature]</i>	6,0	Sáu	C22QT2	
6	2010100039	Quan Chí Hào	04/10/2002				C22QT2	
7	2010100050	Lê Thị Thảo Hân	07/03/2002	<i>[Signature]</i>	7,5	Bảy rớt	C22QT2	
8	2010100046	Nguyễn Thị Mỹ Hân	29/09/2002	<i>[Signature]</i>	9,0	Chín	C22QT2	
9	2010100051	Nguyễn Thị Ngọc Hân	26/11/2002	<i>[Signature]</i>	7,0	Bảy	C22QT2	
10	2010100058	Nguyễn Công Hậu	25/01/2002	<i>[Signature]</i>	6,5	Sáu rớt	C22QT2	
11	2010100069	Nguyễn Nhật Huy	29/10/2002	<i>[Signature]</i>	5,5	Năm rớt	C22QT2	
12	2010100059	Đoàn Thị Diễm Kiều	02/02/2002	<i>[Signature]</i>	5,5	Năm rớt	C22QT2	
13	2010100070	Hà Thị Phương Kiều	13/02/2002	<i>[Signature]</i>	8,0	Tám	C22QT2	
14	2010100036	Chung Thị Thúy Lan	12/15/2002	<i>[Signature]</i>	7,5	Bảy rớt	C22QT2	
15	2010100068	Hồ Thị Kim Loan	02/03/2002	<i>[Signature]</i>	7,5	Bảy rớt	C22QT2	
16	2010100071	Phan Vũ Hồng Ngọc	09/08/2002	<i>[Signature]</i>	7,0	Bảy	C22QT2	
17	2010100052	Trần Thành Nhân	24/05/2002	<i>[Signature]</i>	5,0	Năm	C22QT2	
18	2010100043	Nguyễn Thị Hồng Nhung	22/05/2002	<i>[Signature]</i>	7,0	Bảy	C22QT2	
19	2010100060	Nguyễn Minh Phúc	07/10/2002	<i>[Signature]</i>	6,5	Sáu rớt	C22QT2	
20	2010100067	Nguyễn Việt Thanh	05/05/2001	<i>[Signature]</i>	7,0	Bảy	C22QT2	
21	2010100056	Nguyễn Thị Thanh Thảo	30/09/2002	<i>[Signature]</i>	9,0	Chín	C22QT2	
22	2010100063	Lư Huỳnh Duy Thuận	19/06/2002	<i>[Signature]</i>	6,0	Sáu	C22QT2	
23	2010100037	Nguyễn Thanh Thủy	19/10/2002	<i>[Signature]</i>	7,5	Bảy rớt	C22QT2	
24	2010100053	Nguyễn Thị Minh Thư	23/02/2002	<i>[Signature]</i>	7,0	Bảy	C22QT2	
25	2010100049	Phan Triệu Thương	08/09/2002	<i>[Signature]</i>	7,0	Bảy	C22QT2	
26	2010100055	Đặng Hoàng Thúy Vy	13/12/2002	<i>[Signature]</i>	8,5	Tám rớt	C22QT2	
27	2010100061	Nguyễn Thị Thúy Vy	11/05/2002	<i>[Signature]</i>	6,0	Sáu	C22QT2	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 26 vắng thi: 01 . Số bài thi: 26 / 26 .

Số sinh viên đạt/không đạt: 26 / 0

Tỷ lệ đạt: 100 , %

Ngày: 19 tháng 4 năm 2021

TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)



Phs. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày: 18 tháng 3 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



Trần Thị Huyền

TRƯỜNG

KHẢO



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Nguyên lý kế toán - MH1104036

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110403601

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Tuyền - (04057)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010100057	Huỳnh Thị Khánh Băng	19/11/2002	<i>[Signature]</i>	7,0	Bằng	C22QT2	
2	2010100048	Nguyễn Thị Thanh Bình	01/01/2002	<i>[Signature]</i>	6,0	Sáu	C22QT2	
3	2010100045	Nguyễn Thị Kim Chi	03/08/2002	<i>[Signature]</i>	5,5	Năm rưỡi	C22QT2	
4	2010100044	Nguyễn Minh Trường Duy	18/05/2002	<i>[Signature]</i>	8,5	Tám rưỡi	C22QT2	
5	2010100038	Nguyễn Thị Thùy Dương	22/11/2002	<i>[Signature]</i>	6,0	Sáu	C22QT2	
6	2010100039	Quan Chí Hào	04/10/2002				C22QT2	
7	2010100050	Lê Thị Thảo Hân	07/03/2002	<i>[Signature]</i>	7,5	Bảy rưỡi	C22QT2	
8	2010100046	Nguyễn Thị Mỹ Hân	29/09/2002	<i>[Signature]</i>	9,0	Chín	C22QT2	
9	2010100051	Nguyễn Thị Ngọc Hân	26/11/2002	<i>[Signature]</i>	7,0	Bảy	C22QT2	
10	2010100058	Nguyễn Công Hậu	25/01/2002	<i>[Signature]</i>	7,0	Bảy	C22QT2	
11	2010100069	Nguyễn Nhật Huy	29/10/2002	<i>[Signature]</i>	6,0	Sáu	C22QT2	
12	2010100059	Đoàn Thị Diễm Kiều	02/02/2002	<i>[Signature]</i>	5,0	Năm	C22QT2	
13	2010100070	Hà Thị Phương Kiều	13/02/2002	<i>[Signature]</i>	8,5	Tám rưỡi	C22QT2	
14	2010100036	Chung Thị Thúy Lan	12/15/2002	<i>[Signature]</i>	7,0	Bảy	C22QT2	
15	2010100068	Hồ Thị Kim Loan	02/03/2002	<i>[Signature]</i>	7,5	Bảy rưỡi	C22QT2	
16	2010100071	Phan Vũ Hồng Ngọc	09/08/2002	<i>[Signature]</i>	7,0	Bảy	C22QT2	
17	2010100052	Trần Thành Nhân	24/05/2002	<i>[Signature]</i>	5,0	Năm	C22QT2	
18	2010100043	Nguyễn Thị Hồng Nhung	22/05/2002	<i>[Signature]</i>	7,5	Bảy rưỡi	C22QT2	
19	2010100060	Nguyễn Minh Phúc	07/10/2002	<i>[Signature]</i>	7,0	Bảy	C22QT2	
20	2010100067	Nguyễn Việt Thanh	05/05/2001	<i>[Signature]</i>	7,5	Bảy rưỡi	C22QT2	
21	2010100056	Nguyễn Thị Thanh Thảo	30/09/2002	<i>[Signature]</i>	9,0	Chín	C22QT2	
22	2010100063	Lư Huỳnh Duy Thuận	19/06/2002	<i>[Signature]</i>	5,5	Năm rưỡi	C22QT2	
23	2010100037	Nguyễn Thanh Thủy	19/10/2002	<i>[Signature]</i>	7,5	Bảy rưỡi	C22QT2	
24	2010100053	Nguyễn Thị Minh Thư	23/02/2002	<i>[Signature]</i>	7,0	Bảy rưỡi	C22QT2	
25	2010100049	Phan Triệu Thương	08/09/2002	<i>[Signature]</i>	7,0	Bảy	C22QT2	
26	2010100055	Đặng Hoàng Thúy Vy	13/12/2002	<i>[Signature]</i>	8,5	Tám rưỡi	C22QT2	
27	2010100061	Nguyễn Thị Thúy Vy	11/05/2002	<i>[Signature]</i>	6,0	Sáu	C22QT2	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 26 vắng thi: 01 . Số bài thi: 26 / 26 .

Số sinh viên đạt/không đạt: 26 / 0

Tỷ lệ đạt: 100 , %

Ngày...19...tháng...4...năm...2021

TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

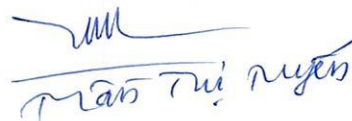


ThS. Hồ Thiên Thông Minh

Ngày...25...tháng...3...năm...2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



TRƯỜNG
KHẢO

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Nguyên lý kế toán - MH1104036

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110403601

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Tuyền - (04057)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010100075	Nguyễn Thị Mộng Bình	08/04/2001		6,5	Sau nước	C22QT3	
2	2010100079	Nguyễn Hữu Cảnh	06/08/2001		7,5	Bây nước	C22QT3	
3	2010100080	Lê Quốc Đạt	23/10/2002		6,5	Sau nước	C22QT3	
4	2010100099	Trần Thúy Hằng	06/08/2002				C22QT3	
5	2010100093	Cù Thanh Hưng	28/01/2002		8,5	Tâm nước	C22QT3	
6	2010100104	Phan Thị Yến Linh	03/02/2000		6,5	Sau nước	C22QT3	
7	2010100078	Lê Vũ Luân	20/11/2001		7,0	Bây	C22QT3	
8	2010100076	Trần Thảo Nguyên	09/12/2002		6,0	Sau	C22QT3	
9	2010100086	Lê Thị Ý Nhi	01/11/2002		7,5	Bây nước	C22QT3	
10	2010100095	Dương Thị Thảo Phương	17/04/2002		6,0	Sau	C22QT3	
11	2010040070	Nguyễn Duy Phương	20/05/2002		6,5	Sau nước	C22QT3	
12	2010100092	Nguyễn Thị Hoài Phương	15/09/2000		8,0	Tâm	C22QT3	
13	2010100074	Nguyễn Tấn Tài	12/08/2002		7,0	Bây	C22QT3	
14	2010100094	Nguyễn Minh Tâm	08/01/2002		7,0	Bây	C22QT3	
15	2010100084	Hồ Thị Thanh Thảo	04/10/2002		7,0	Bây	C22QT3	
16	2010100090	Trần Thu Thảo	06/06/2002		5,0	Khẩn	C22QT3	
17	2010100177	Trần Thu Thảo	29/08/2001		6,0	Sau	C22QT3	
18	2010100178	Cao Hoàng Thái	26/11/2001		7,0	Bây	C22QT3	
19	2010100096	Võ Thị Hồng Thắm	12/04/2002		6,5	Sau nước	C22QT3	
20	2010100088	Nguyễn Thị Kim Thuận	06/09/2002		7,5	Bây nước	C22QT3	
21	2010100089	Nguyễn Thị Huyền Trân	04/05/2002		6,0	Sau	C22QT3	
22	2010100105	Phan Thành Triệu	07/08/2002		6,0	Sau	C22QT3	
23	2010100097	Phan Trọng Văn	28/02/2002		6,0	Sau	C22QT3	
24	2010100087	Nguyễn Thị Tường Vi	18/11/2002		8,0	Tâm	C22QT3	
25	2010100102	Nguyễn Thị Kim Xuyên	30/12/2002		7,0	Bây	C22QT3	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 24 vắng thi: 01 . Số bài thi: 24 / 24 .

Số sinh viên đạt/không đạt: 24 / 0

Tỷ lệ đạt: 100 , %

Ngày 19 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày 18 tháng 3 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Tuyền



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Nguyên lý kế toán - MH1104036

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110403601

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Tuyền - (04057)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010100075	Nguyễn Thị Mộng Bình	08/04/2001		6,5	Sáu rưỡi	C22QT3	
2	2010100079	Nguyễn Hữu Cảnh	06/08/2001		7,0	Bảy	C22QT3	
3	2010100080	Lê Quốc Đạt	23/10/2002		7,0	Bảy	C22QT3	
4	2010100099	Trần Thúy Hằng	06/08/2002				C22QT3	
5	2010100093	Cù Thanh Hưng	28/01/2002		8,0	Tám	C22QT3	
6	2010100104	Phan Thị Yến Linh	03/02/2000		6,5	Sáu rưỡi	C22QT3	
7	2010100078	Lê Vũ Luân	20/11/2001		6,5	Sáu rưỡi	C22QT3	
8	2010100076	Trần Thảo Nguyên	09/12/2002		6,0	Sáu	C22QT3	
9	2010100086	Lê Thị Ý Nhi	01/11/2002		7,5	Bảy rưỡi	C22QT3	
10	2010100095	Dương Thị Thảo Phương	17/04/2002		6,0	Sáu	C22QT3	
11	2010040070	Nguyễn Duy Phương	20/05/2002		7,0	Bảy	C22QT3	
12	2010100092	Nguyễn Thị Hoài Phương	15/09/2000		7,5	Bảy rưỡi	C22QT3	
13	2010100074	Nguyễn Tấn Tài	12/08/2002		6,5	Sáu rưỡi	C22QT3	
14	2010100094	Nguyễn Minh Tâm	08/01/2002		7,0	Bảy	C22QT3	
15	2010100084	Hồ Thị Thanh Thảo	04/10/2002		6,5	Sáu rưỡi	C22QT3	
16	2010100090	Trần Thu Thảo	06/06/2002		5,5	Năm rưỡi	C22QT3	
17	2010100177	Trần Thu Thảo	29/08/2001		6,0	Sáu	C22QT3	
18	2010100178	Cao Hoàng Thái	26/11/2001		7,0	Bảy	C22QT3	
19	2010100096	Võ Thị Hồng Thắm	12/04/2002		7,0	Bảy	C22QT3	
20	2010100088	Nguyễn Thị Kim Thuận	06/09/2002		7,5	Bảy rưỡi	C22QT3	
21	2010100089	Nguyễn Thị Huyền Trân	04/05/2002		6,0	Sáu	C22QT3	
22	2010100105	Phan Thành Triệu	07/08/2002		6,5	Sáu rưỡi	C22QT3	
23	2010100097	Phan Trọng Văn	28/02/2002		6,0	Sáu	C22QT3	
24	2010100087	Nguyễn Thị Tường Vi	18/11/2002		7,5	Bảy rưỡi	C22QT3	
25	2010100102	Nguyễn Thị Kim Xuyên	30/12/2002		7,0	Bảy	C22QT3	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 24 vắng thi: 01. Số bài thi: 24 / 24.

Số sinh viên đạt/không đạt: 24 / 0

Tỷ lệ đạt: 100, %

Ngày: 15 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày: 25 tháng 3 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Nguyên lý kế toán - MH1104036

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110403601

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Tuyền - (04057)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010100077	Huỳnh Minh Nhí	13/09/2002	Nhí	8,5	Tám rưỡi	C22QT3	Nợ HP

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 01 vắng thi: 0. Số bài thi: 01 / 01.

Số sinh viên đạt/không đạt: 01 / 0

Tỷ lệ đạt: 100, ____ %

Ngày 19 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

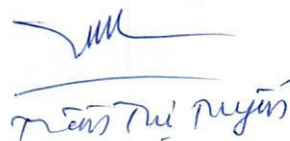


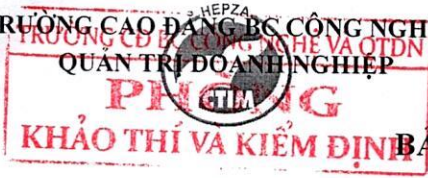
ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày 18 tháng 3 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)





BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Nguyên lý kế toán - MH1104036

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110403601

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Tuyền - (04057)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010100077	Huỳnh Minh Nhí	13/09/2002		9,0	Chín	C22QT3	Nợ HP

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi: 01 vắng thi: 0 . Số bài thi: 01 / 01 .Số sinh viên đạt/không đạt: 01 / 0Tỷ lệ đạt: 100 , ____ %Ngày 16 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày 25 tháng 3 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Nguyên lý kế toán - MH1104036

Mã lớp học phần: MH110403601

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Tuyền

Ngày thi: 14/04/2021

Giờ thi: 13h30

Phòng thi: A1.12

Giám thị 1: Cao Thị Oanh Ký tên:

Giám thị 2: Ký tên:

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010100075	Nguyễn Thị Mộng Bình	08/04/2001			4,0	Bốn	C22QT3	
2	2010100079	Nguyễn Hữu Cảnh	06/08/2001			4,0	Bốn	C22QT3	
3	2010100080	Lê Quốc Đạt	23/10/2002			4,0	Bốn	C22QT3	
4	2010100093	Cù Thanh Hưng	28/01/2002			4,0	Bốn	C22QT3	
5	2010100059	Đoàn Thị Diễm Kiều	02/02/2002			9,0	Chín	C22QT2	
6	2010100070	Hà Thị Phương Kiều	13/02/2002			9,5	Chín rưỡi	C22QT2	
7	2010100036	Chung Thị Thúy Lan	12/15/2002			7,5	Bảy rưỡi	C22QT2	
8	2010100104	Phan Thị Yến Linh	03/02/2000			7,0	Bảy	C22QT3	
9	2010100068	Hồ Thị Kim Loan	02/03/2002			7,0	Bảy	C22QT2	
10	2010100078	Lê Vũ Luân	20/11/2001			3,5	Ba rưỡi	C22QT3	
11	2010100071	Phan Vũ Hồng Ngọc	09/08/2002			3,5	Ba rưỡi	C22QT2	
12	2010100076	Trần Thảo Nguyên	09/12/2002			9,5	Chín rưỡi	C22QT3	
13	2010100052	Trần Thành Nhân	24/05/2002			7,0	Bảy	C22QT2	
14	2010100086	Lê Thị Ý Nhi	01/11/2002			6,0	Sáu	C22QT3	
15	2010100077	Huỳnh Minh Nhí	13/09/2002			6,5	Sáu rưỡi	C22QT3	Nợ HP
16	2010100043	Nguyễn Thị Hồng Nhung	22/05/2002			7,5	Bảy rưỡi	C22QT2	
17	2010100060	Nguyễn Minh Phúc	07/10/2002			7,0	Bảy	C22QT2	
18	2010100095	Dương Thị Thảo Phương	17/04/2002			8,0	Tám	C22QT3	
19	2010040070	Nguyễn Duy Phương	20/05/2002			3,5	Ba rưỡi	C22QT3	
20	2010100092	Nguyễn Thị Hoài Phương	15/09/2000			4,0	Bốn	C22QT3	
21	2010100074	Nguyễn Tấn Tài	12/08/2002			3,0	Ba	C22QT3	
22	2010100094	Nguyễn Minh Tâm	08/01/2002			5,5	Năm rưỡi	C22QT3	
23	2010100067	Nguyễn Việt Thanh	05/05/2001			5,5	Năm rưỡi	C22QT2	
24	2010100084	Hồ Thị Thanh Thảo	04/10/2002			4,0	Bốn	C22QT3	
25	2010100056	Nguyễn Thị Thanh Thảo	30/09/2002			3,5	Ba rưỡi	C22QT2	
26	2010100090	Trần Thu Thảo	06/06/2002			3,5	Ba rưỡi	C22QT3	
27	2010100177	Trần Thu Thảo	29/08/2001			4,0	Bốn	C22QT3	
28	2010100178	Cao Hoàng Thái	26/11/2001			4,0	Bốn	C22QT3	
29	2010100096	Võ Thị Hồng Thắm	12/04/2002			4,0	Bốn	C22QT3	
30	2010100063	Lư Huỳnh Duy Thuận	19/06/2002			6,5	Sáu rưỡi	C22QT2	
31	2010100088	Nguyễn Thị Kim Thuận	06/09/2002			6,0	Sáu	C22QT3	
32	2010100037	Nguyễn Thanh Thủy	19/10/2002			6,0	Sáu	C22QT2	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2010100053	Nguyễn Thị Minh	Thư	23/02/2002			5,0	Năm	C22QT2	
34	2010100049	Phan Triệu	Thương	08/09/2002			3,5	Bai rớt	C22QT2	
35	2010100089	Nguyễn Thị Huyền	Trân	04/05/2002			4,0	Bài	C22QT3	
36	2010100105	Phan Thành	Triệu	07/08/2002			5,5	Năm rớt	C22QT3	
37	2010100097	Phan Trọng	Văn	28/02/2002			4,0	Bài	C22QT3	
38	2010100087	Nguyễn Thị Tường	Vi	18/11/2002			6,0	Sáu	C22QT3	
39	2010100055	Đặng Hoàng Thúy	Vy	13/12/2002			6,0	Sáu	C22QT2	
40	2010100061	Nguyễn Thị Thúy	Vy	11/05/2002			6,0	Sáu	C22QT2	
41	2010100102	Nguyễn Thị Kim	Xuyến	30/12/2002			5,5	Năm rớt	C22QT3	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 41 vắng thi: 0 . Số bài thi/Số tờ: 41 / 41 .

Số sinh viên đạt: 34 Tỷ lệ đạt: 82,9%

Ngày: 19 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày: 19 tháng 4 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Huyền



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Nguyên lý kế toán - MH1104036

Mã lớp học phần: MH110403601

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Tuyền

Ngày thi: 14/04/2021

Giờ thi: 13h30

Phòng thi: A1.8

Giám thị 1: N.T.N. Hoa Ký tên: N.T.N. Hoa

Giám thị 2: Lê Trung Sơn Ký tên: Lê Trung Sơn

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010100057	Huỳnh Thị Khánh Băng	19/11/2002	<u>Băng</u>		8,0	Tâm	C22QT2	
2	2010100048	Nguyễn Thị Thanh Bình	01/01/2002	<u>Bình</u>		6,0	Sâu	C22QT2	
3	2010100045	Nguyễn Thị Kim Chi	03/08/2002	<u>chi</u>		4,0	Bên	C22QT2	
4	2010100044	Nguyễn Minh Trường Duy	18/05/2002	<u>D</u>		10	Mười	C22QT2	
5	2010100034	Phạm Thị Hồng Duyên	21/05/2002	<u>Duyên</u>		9,0	Clin	C22QT1	
6	2010100010	Từ Thị Mỹ Duyên	01/01/2002	<u>Duyên</u>		8,0	Tâm	C22QT1	
7	2010100038	Nguyễn Thị Thùy Dương	22/11/2002	<u>Thùy D</u>		4,5	Bên nước	C22QT2	
8	2010100016	Nguyễn Thị Hồng Đào	05/07/2002	<u>Đào</u>		7,5	Bên nước	C22QT1	
9	2010100004	Lương Diễm Hằng	28/07/2001	<u>Hư</u>		4,0	Bên	C22QT1	
10	2010100050	Lê Thị Thảo Hân	07/03/2002	<u>Hân</u>		6,0	Sâu	C22QT2	
11	2010100046	Nguyễn Thị Mỹ Hân	29/09/2002	<u>Mỹ</u>		7,5	Bên nước	C22QT2	
12	2010100051	Nguyễn Thị Ngọc Hân	26/11/2002	<u>H</u>		4,5	Bên nước	C22QT2	
13	2010100021	Trần Thị Bảo Hân	26/04/2002	<u>—</u>	—	—		C22QT1	✓
14	2010100058	Nguyễn Công Hậu	25/01/2002	<u>Hậu</u>		6,0	Sâu	C22QT2	
15	2010100006	Nguyễn Văn Hoàn	08/03/2001	<u>ps</u>		4,0	Bên	C22QT1	
16	2010100069	Nguyễn Nhật Huy	29/10/2002	<u>HL</u>		6,0	Sâu	C22QT2	
17	2010100033	Lê Hoàng Long	09/10/2002	<u>Long</u>		5,0	Năm	C22QT1	
18	2010100026	Nguyễn Thị Xuân Mai	27/06/2002	<u>Mai</u>		7,5	Bên nước	C22QT1	
19	2010100031	Nguyễn Trúc Mai	12/12/2002	<u>Mai</u>		6,0	Sâu	C22QT1	
20	2010100013	Võ Hoàng Nam	15/10/2002	<u>Nam</u>		5,0	Năm	C22QT1	
21	2010100027	Nguyễn Thị Kim Ngân	29/06/2002	<u>Kim Ngân</u>		5,0	Năm	C22QT1	
22	2010010043	Lê Huỳnh Như	28/08/2002	<u>Như</u>		3,5	Bên nước	C22QT1	
23	2010100029	Võ Trúc Như	13/04/2001	<u>Như</u>		5,5	Năm nước	C22QT1	
24	2010100032	Nguyễn Thị Hồng Phúc	07/07/2001	<u>Phúc</u>		6,0	Sâu	C22QT1	
25	2010100009	Tạ Ngọc Như Quỳnh	22/09/1999	<u>Quỳnh</u>		6,0	Sâu	C22QT1	
26	2010100024	Đỗ Thị Thu Thảo	04/10/2002	<u>Thảo</u>		7,5	Bên nước	C22QT1	
27	2010100015	Nguyễn Thị Anh Thi	30/05/2002	<u>Thi</u>		5,0	Năm	C22QT1	
28	2010100011	Nguyễn Anh Thư	12/05/2002	<u>Thư</u>		4,0	Bên	C22QT1	
29	2010100001	Nguyễn Thị Minh Thư	06/03/2001	<u>Thư</u>		4,0	Bên	C22QT1	
30	2010100025	Trần Thị Minh Thư	15/10/2002	<u>Thư</u>		4,0	Bên	C22QT1	
31	2010100017	Nguyễn Thị Bích Trâm	05/07/2002	<u>BTrâm</u>	02	9,5	Clin nước	C22QT1	
32	2010100035	Võ Thị Ngọc Trâm	17/12/2002	<u>Trâm</u>		9,0	Clin	C22QT1	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2010100012	Đào Thị Diễm Trinh	18/12/2002	<i>Trinh</i>		6,5	Sáu rưỡi	C22QT1	
34	2010100014	Phạm Thị Phương Trinh	06/07/2002	<i>Ph</i>		8,0	Tám	C22QT1	
35	2010100022	Võ Thị Cẩm Vân	14/02/2002	<i>Vân</i>		7,5	Bảy rưỡi	C22QT1	
36	2010100023	Huỳnh Bảo Yên	11/11/2002	<i>Yên</i>		6,0	Sáu	C22QT1	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 35 vắng thi: 01, Số bài thi/Số tờ: 35 / 36.

Số sinh viên đạt: 34 Tỷ lệ đạt: 97,14%

Ngày: 19 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]

TRƯỞNG
KHÁCH

ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày: 19 tháng 4 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]

Trần Tài Nguyên